CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA CHÂU Á
KCN Trang Duệ - Lê Lợi – An Dương – Hải Phòng
0225.3719083/3719084 - 0898.273.288

BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN DÁN KEO u.PVC – ASICO

Đơn vị tính:VNĐ/cái

Tên sản phẩm	Kích cỡ	PN	Đơn giá
CÚT 90°	**Φ 21**	10	1,800
	Φ 27	10	3,200
	Φ 34	10	3,900
	Φ 42	10	6,200
	Φ 48	10	9,600
	Φ 60	8	13,900
	Φ 75	8	24,800
	Φ 90	6	33,900
	Φ 110	6	53,000
	Φ 125	6	75,200
	Φ 140	6	129,000
	Φ 160	6	150,800
	Φ 200	6	294,000
	Φ 250	6	619,800
Y	**Φ 60**	10	23,000
	Φ 75	10	44,600
	Φ 90	10	54,900
	Φ 110	10	83,100
Y 3 ĐẦU NỐI	**Φ 48**	10	16,100
	Φ 60	10	23,000
	Φ 75	10	44,600
	Φ 90	10	54,900
	Φ 110	10	83,100
Y THU	**Φ 90-60**	10	51,800
	Φ 90-75	10	60,000
	Φ 110-60	10	64,500
	Φ 110-75	10	75,000
	Φ 110-90	10	84,000

Đơn vị tính:VNĐ/cái

Tên sản phẩm	Kích cỡ	PN	Đơn giá
CHẾCH	**Φ 21**	10	1,800
	Φ 27	10	2,900
	Φ 34	10	3,200
	Φ 42	10	4,700
	Φ 48	10	7,500
	Φ 60	8	11,700
	Φ 75	6	19,800
	Φ 90	6	27,300
	Φ 110	6	40,800
	Φ 125	6	75,000
	Φ 140	6	85,000
	Φ 160	6	123,500
	Φ 200	6	265,000
	Φ 250	6	494,000
MĂNG SÔNG	**Φ 21**	10	1,700
	Φ 27	10	2,200
	Φ 34	10	3,300
	Φ 42	10	4,000
	Φ 48	10	6,200
	Φ 60	8	9,100
	Φ 75	6	15,000
	Φ 90	10	26,000
	Φ 110	6	30,000
	Φ 125	6	43,000
	Φ 140	6	67,500
	Φ 160	6	89,000
	Φ 200	6	194,500
MĂNG SÔNG REN TRONG (NHỰA)	**Φ 21**	10	1,700
	Φ27	10	2,300
	Φ 34	10	3,900
	Φ 42	10	5,600
	Φ 48	10	6,900
	Φ 60	10	10,000

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA CHÂU Á
KCN Trảng Duệ - Lê Lợi - An Dương – Hải Phòng
0225.3719083/ 3719084 - 0898.273.288

BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN DÁN KEO u.PVC – ASICO

Đơn vị tính:VNĐ/cái

Tên sản phẩm	Kích cỡ	PN	Đơn giá
MĂNG SÔNG REN NGOÀI (NHỰA)	**Φ 21**	10	1,800
	Φ21x3/4	10	2,700
	Φ27	10	2,200
	Φ27x1/2	10	2,600
	Φ 34	10	4,900
	Φ 34/21	10	4,900
	Φ 34/27	10	4,900
	Φ 42	10	6,000
	Φ 42/27	10	6,000
	Φ 42/34	10	6,000
	Φ 48	10	7,000
	Φ 48/27	10	7,000
	Φ 48/34	10	7,000
	Φ 48/42	10	7,000
	Φ 60	10	10,800
	Φ 75	10	19,000
	Φ 90	10	26,000
CÚT REN TRONG (ĐỒNG)	**Φ 21**	10	17,500
	Φ27x1/2	10	19,000
	Φ27x3/4	10	22,900
MĂNG SÔNG REN TRONG (ĐỒNG)	**Φ 21**	10	15,600
	Φ27x1/2	10	18,000
	Φ27x3/4	10	25,000

Đơn vị tính:VNĐ/cái

Tên sản phẩm	Kích cỡ	PN	Đơn giá
VAN TAY TRẮNG	**Φ 21**	8	21,500
	Φ 27	8	26,800
	Φ 34	8	38,000
	Φ 42	8	69,000
	Φ 48	8	90,500
	Φ 60	8	122,500
	Φ 75	8	279,000
	Φ 90	8	462,500
	Φ 110	8	670,000
VAN TAY CAM	**Φ 21**	10	20,000
	Φ 27	10	25,500
	Φ 34	10	36,500
	Φ 42	10	66,500
	Φ 48	10	77,000
	Φ 60	10	119,000
VAN TAY XANH	**Φ 21**	8	25,300
	Φ 27	8	30,500
	Φ 34	8	45,800
	Φ 42	8	71,100
	Φ 48	8	92,500
	Φ 60	8	133,000
TÊ REN TRONG (ĐỒNG)	**Φ 21**	10	17,500
	Φ27x1/2	10	22,000

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA CHÂU Á
KCN Tràng Duệ - Lê Lợi - An Dương – Hải Phòng
0225.3719083/ 3719084 - 0898.273.288

BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN DÁN KEO u.PVC – ASICO

Đơn vị tính:VNĐ/cái

Tên sản phẩm	Kích cỡ	PN	Đơn giá
TÊ	Φ 21	10	2,600
	Φ 27	10	4,300
	Φ 34	10	5,800
	Φ 42	10	8,000
	Φ 48	10	11,300
	Φ 60	8	18,200
	Φ 75	6	31,000
	Φ 90	10	44,800
	Φ 110	10	74,900
	Φ 125	6	115,000
	Φ 140	6	188,600
	Φ 160	6	201,000
	Φ 200	6	427,800
NÚT BỊT	Φ 21	10	1,200
	Φ 27	10	1,700
	Φ 34	10	2,300
	Φ 42	10	3,800
	Φ 48 (nhọn)	6	4,200
	Φ 60	10	9,000
	Φ 75	8	10,100
	Φ 90	6	12,500
	Φ 110	6	18,900
	Φ 125	6	31,500
	Φ 140	6	37,000
	Φ 160	6	64,200
	Φ 200	6	152,000
BỊT CHỤP ĐÈN ÂM TRẦN	Φ 90		17,000
ĐẦU NỐI THÔNG SÀN	Φ 90		26,500
	Φ 110		32,400
BỊT THÔNG TẮC	Φ 90	6	26,700
	Φ 110		38,300

Đơn vị tính:VNĐ/cái

Tên sản phẩm	Kích cỡ	PN	Đơn giá
TÊ THU	Φ 27-21	10	3,400
	Φ 34-21	10	4,300
	Φ 34-27	10	4,700
	Φ 42-21	10	6,800
	Φ 42-27	10	6,800
	Φ 42-34	10	7,900
	Φ 48-21	10	9,200
	Φ 48-27	10	9,500
	Φ 48-34	10	10,000
	Φ 48-42	10	12,000
	Φ 60-27	8	14,000
	Φ 60-34	8	14,200
	Φ 60-42	8	14,700
	Φ 60-48	8	15,600
	Φ 75-34	8	24,000
	Φ 75-42	8	25,000
	Φ 75-48	8	26,500
	Φ 75-60	8	27,000
	Φ 90-34	6	35,200
	Φ 90-42	6	35,200
	Φ 90-48	6	44,000
	Φ 90-60	6	44,000
	Φ 90-75	6	49,000
	Φ 110-34	6	62,000
	Φ 110-42	6	62,000
	Φ 110-48	6	63,000
	Φ 110-60	6	66,000
	Φ 110-75	6	67,000
	Φ 110-90	6	68,000
	Φ 140-90	6	127,000
	Φ 140-110	6	140,000
	Φ 160-90	6	157,000
	Φ 160-110	6	169,000

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA CHÂU Á
KCN Tràng Duệ - Lê Lợi - An Dương – Hải Phòng
0225.3719083/3719084 - 0898.273.288

BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN DÁN KEO u.PVC – ASICO

Đơn vị tính:VNĐ/cái

Tên sản phẩm	Kích cỡ	PN	Đơn giá
CÔN THU	**Φ 27-21**	10	1,900
	Φ 34-21	10	2,200
	Φ 34-27	10	2,800
	Φ 42-21	10	3,500
	Φ 42-27	10	3,600
	Φ 42-34	10	3,800
	Φ 48-21	10	4,500
	Φ 48-27	10	4,500
	Φ 48-34	10	4,800
	Φ 48-42	10	4,900
	Φ 60-21	6	7,000
	Φ 60-27	8	7,000
	Φ 60-34	8	7,000
	Φ 60-42	8	7,200
	Φ 60-48	8	7,700
	Φ 75-34	8	12,700
	Φ 75-42	8	12,700
	Φ 75-48	8	13,000
	Φ 75-60	8	13,000
	Φ 90-34	6	14,000
	Φ 90-42	6	16,000
	Φ 90-48	6	16,000
	Φ 90-60	6	15,900
	Φ 90-75	6	17,000
	Φ 110-34	6	23,000
	Φ 110-42	6	23,000
	Φ 110-48	6	23,000
	Φ 110-60	6	23,000

Đơn vị tính:VNĐ/cái

Tên sản phẩm	Kích cỡ	PN	Đơn giá
CÔN THU	**Φ 110-75**	6	24,000
	Φ 110-90	6	24,000
	Φ 125-42	6	40,000
	Φ 125-48	6	40,000
	Φ 125-60	6	40,000
	Φ 125-75	6	40,000
	Φ 125-90	6	40,000
	Φ 125-110	6	42,000
	Φ 140-42	6	48,000
	Φ 140-48	6	48,000
	Φ 140-60	6	48,000
	Φ 140-75	6	48,000
	Φ 140-90	6	48,000
	Φ 140-110	6	49,000
	Φ 160-90	6	68,000
	Φ 160-110	6	69,000
	Φ 160-140	6	72,900
	Φ 200-110	6	195,000
	Φ 200-160	6	203,000
RỌ BƠM	**Φ 21**		15,000
	Φ 27		17,000
	Φ 34		22,000
	Φ 42		40,000
	Φ 48		57,000
	Φ 60		65,000
RỌ BƠM	**Φ 75**		245,000
	Φ 90		265,000
	Φ 110		285,000

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA CHÂU Á
KCN Trảng Duệ - Lê Lợi - An Dương – Hải Phòng
0225.3719083/ 3719084 - 0898.273.288

BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN DÁN KEO u.PVC – ASICO

Đơn vị tính:VNĐ/cái

Tên sản phẩm	Kích cỡ	PN	Đơn giá
ZACCO (NHỰA)	**Φ 21**	6	8,700
	Φ 27	6	11,600
	Φ 34	6	22,300
	Φ 42	6	28,500
	Φ 48	6	38,300
	Φ 60	6	58,700
NÚT BỊT REN TRONG	**Φ 21**	10	2,300
	Φ 27	10	3,100
LUPPE (Van 1 chiều)	**Φ 27**		32,500
	Φ 34		34,000
	Φ 42		51,000
	Φ 48		61,000
XI PHÔNG	**Φ 42**	10	31,000
	Φ 48	10	42,500
	Φ 60	10	69,000
	Φ 75	10	120,000
	Φ 90	10	150,000
	Φ 110	10	170,000
ZACCO REN NGOÀI	**Φ 34/27**	10	22,300
	Φ 34	10	22,300
	Φ 48	10	38,000

Đơn vị tính:VNĐ/cái

Tên sản phẩm	Kích cỡ	PN	Đơn giá
PHỄU THU NƯỚC	**Φ 90**		51,000
	Φ 110		52,000
TÊ CONG	**Φ 90**	10	50,400
	Φ 110	10	82,500
NÚT BỊT REN NGOÀI	**Φ 21**	10	1,200
	Φ27x3/4	10	1,700
CÚT THU	**Φ 27/21**	6	4,500
	Φ 34/21	6	7,800
	Φ 34/27	6	7,800
	Φ 48/27	6	12,000
	Φ 48/34	6	12,000
	Φ 90/34	6	32,000
	Φ 90/48	6	35,000
	Φ 90/60	6	45,000
	Φ 90/75	6	52,000
	Φ 110/34	6	45,000
	Φ 110/42	6	52,000
	Φ 110/48	6	52,000
	Φ 110/60	6	59,000
	Φ 110/75	6	63,000
	Φ 110/90	6	68,000